

Số: 588/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 05 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 373/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Đường P, khu phố M, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Vũ L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An; tạm trú: Đường P, khu phố M, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc C và ông Trần Vũ L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc C và ông Trần Vũ L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2007 đăng ký ngày 16/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An).

2.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 125, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 26/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An; Giấy khai sinh số 49/2014, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cùng lời thừa nhận của bà Phạm Thị Ngọc C và ông Trần Vũ L, ông bà có 02 (hai) con chung, họ và tên: Trần Ngọc Phương Q (Nữ), sinh ngày 18/9/2007 và Trần Vũ Khánh L1 (Nam), sinh ngày 16/3/2014.

Giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự không có nợ chung.

2.5. Về án phí sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự: Bà Phạm Thị Ngọc C tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0031168 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong